

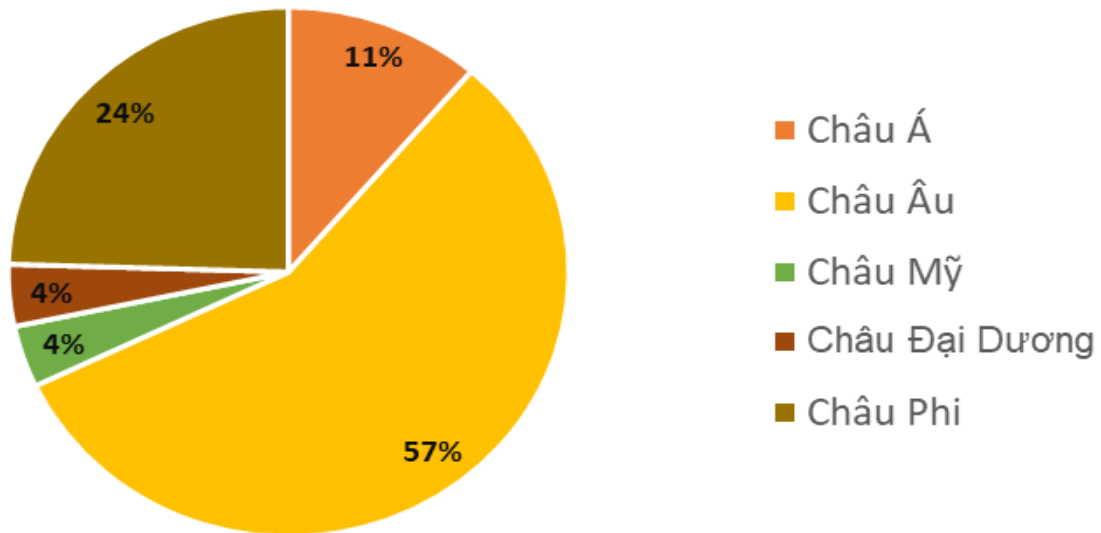
# Xây dựng chính sách bảo tồn động vật hoang dã giai đoạn 2020- 2050: Kinh nghiệm và bài học quốc tế

Phạm Thu Thủy và Trần Ngọc Mỹ Hoa



# Phương pháp nghiên cứu

## 52 quốc gia nghiên cứu



- Rà soát báo cáo kết quả thực hiện các công ước và quy định quốc tế (IPCC, CBD, UNFCCC, The New York Declaration on Forests, Bonn Challenge, 500-Zerodeforestation, Green/Climate finance)
- Rà soát chính sách của 52 quốc gia trên thế giới và định hướng đến 2060
- Rà soát xu thế và dự báo về môi trường, kinh tế và xã hội tới năm 2060
- Thảo luận bàn tròn với các nhà tài trợ và các nhóm nghiên cứu toàn cầu
- Rà soát tài liệu và kết quả nghiên cứu khoa học công bố toàn cầu tới tháng 9 năm 2021

# Yếu tố và nhân tố ảnh hưởng giai đoạn 2010- 2050

## Môi trường/Tự nhiên

- 90% diện tích rừng bị mất trên toàn cầu là do phát triển sản xuất nông nghiệp và đô thị hóa đáp ứng gia tăng dân số
- 70% diện tích rừng trên toàn cầu bị phân mảnh, gia tăng khoảng cách kết nối, dải rừng hẹp, chủ yếu là “rừng trồng”. Khoảng cách giữa rừng và cộng đồng dân cư ngày càng thu hẹp
- Biến đổi khí hậu, sự nóng lên của trái đất (2.6 độ C dù đã có thỏa thuận Paris)
- Độ đa dạng loài được dự báo sẽ giảm 10% vào năm 2050 và các cánh rừng già sẽ bị giảm 13% trên toàn cầu
- Ghi nhận tích cực + tiêu cực về đa dạng sinh học và ĐVHD trên toàn cầu sau COVID
- Chương trình Danh lục Xanh của IUCN được CBD chấp thuận và yêu cầu các Bên Tham gia Công ước (trong đó có Việt Nam) sử dụng

## Kinh tế/xã hội

- Cơ chế thương mại giảm phát thải, và thị trường carbon tự nguyện và bắt buộc
- Ứng dụng khoa học công nghệ
- Gia tăng dân số, thay đổi nhu cầu và thói quen mua sắm, đặc biệt là tầng lớp trung lưu
- Thói quen mua sắm, sinh hoạt và nhu cầu thực phẩm mới (+/- đối với ĐVHD)
- Di dân và đô thị hóa toàn cầu (70% sống ở thành thị năm 2050)
- Bệnh dịch
- Sụt giảm ngân sách dành cho bảo tồn sau đại dịch COVID (đặc biệt đối với VQG)
- Phụ thuộc và nhu cầu tiếp cận với sản phẩm ĐVHD gia tăng sau COVID

## Chính sách

- Kinh tế sinh học (Bioeconomy)
- Kinh tế tuần hoàn (Circular Economy)
- Nền kinh tế chiếc bánh vòng (Donut Economy)
- Tài trợ ưu tiên tập trung về ĐVHD và hướng tới OneHealth
- Ưu tiên giảm phát thải, thực hiện thỏa thuận Paris qua Điều 6 thay vì tập trung giải quyết ĐDSH
- Nới lỏng các chính sách môi trường để phục hồi kinh tế sau COVID

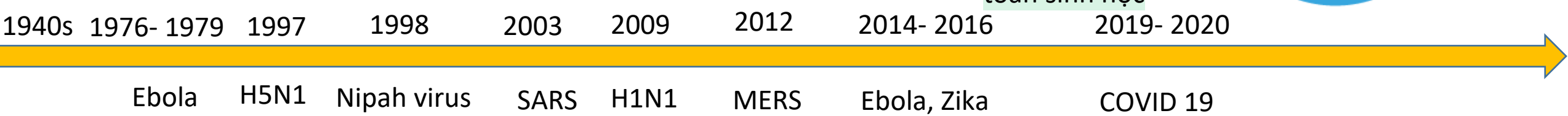
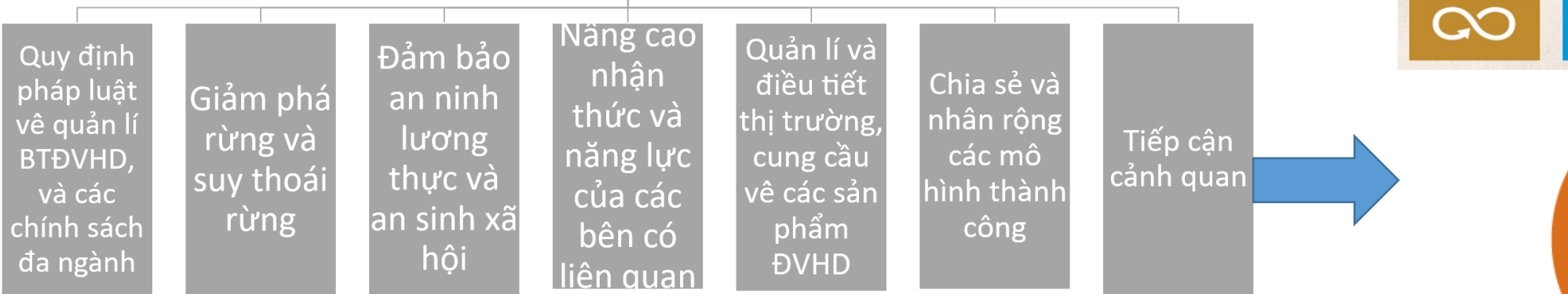


## Khó khăn

- Nguồn lực tài chính dành cho bảo tồn chỉ đáp ứng 20% nhu cầu thực tế
- Tài chính xanh dành cho bảo tồn và bảo vệ rừng = 22 tỉ USD từ 2010- 2020 trong khi cùng chu kỳ này:
  - Cơ chế tài chính khuyến khích cho phát triển nông nghiệp đảm bảo nhu cầu lương thực > 40 lần so với chính sách bảo vệ rừng
  - ngành năng lượng tái tạo > 100 lần so với con số này
  - Tài chính đầu tư cho cơ sở hạ tầng, máy móc không thân thiện với môi trường > 15 lần so với tài chính xanh dành cho bảo tồn

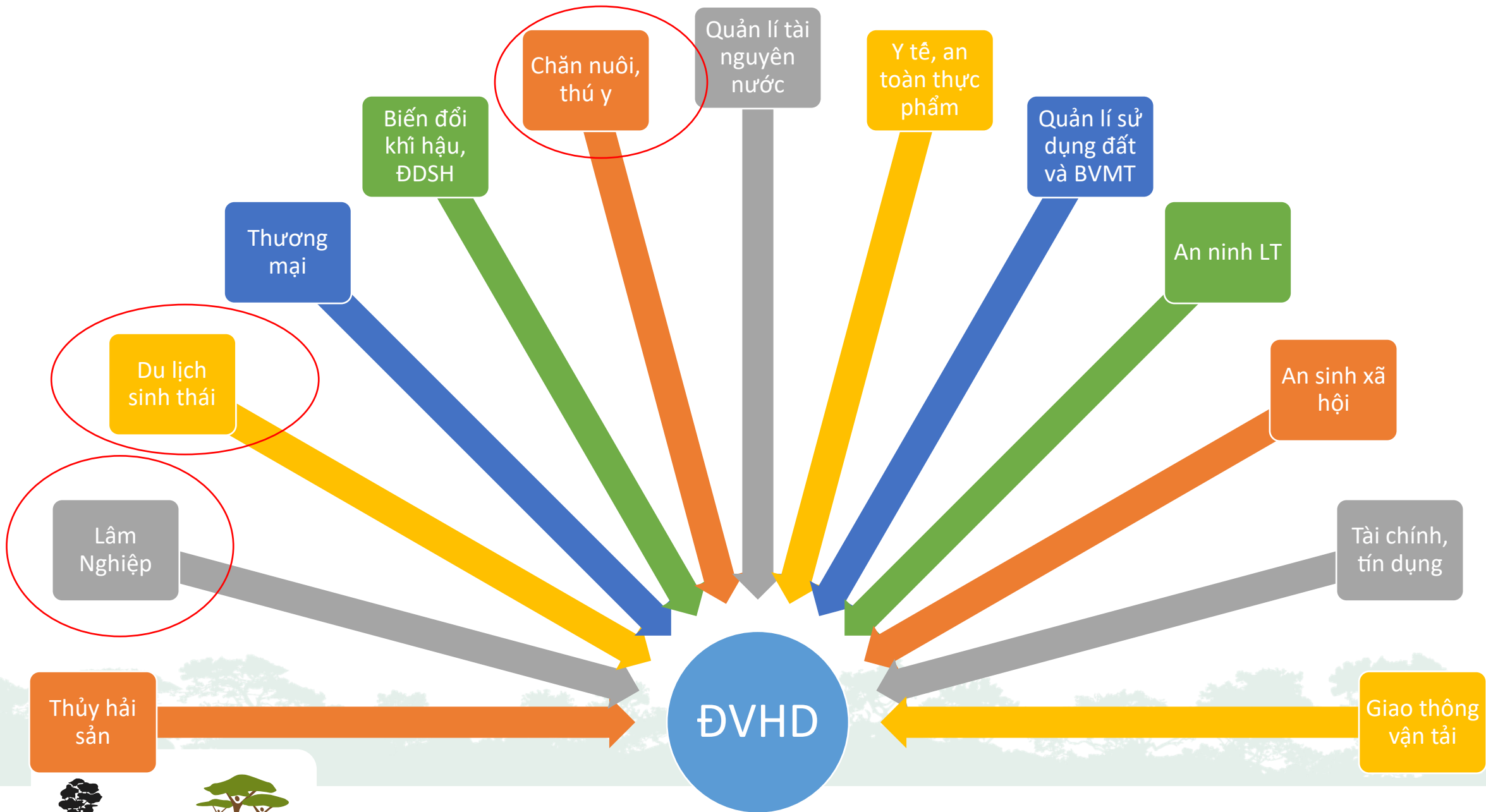
- Hệ thống văn bản pháp luật chưa đồng nhất và chưa rõ ràng
- Thực thi pháp luật kém hiệu quả
- Hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá chưa hoàn thiện + thông tin và số liệu về ĐDSH rất hạn chế
- Năng lực thực hiện của các bên có liên quan
- Các chính sách dẫn đến phá rừng và suy thoái rừng gắn liền với mục tiêu phát triển kinh tế quốc gia
- Sự phụ thuộc về kinh tế, thu nhập và dinh dưỡng của nhiều quốc gia và cộng đồng dân cư vào ĐVHD
- Thách thức bảo tồn vs. phát triển vs. tôn trọng quyền của bản xứ

# Quản lý và bảo tồn ĐVHD

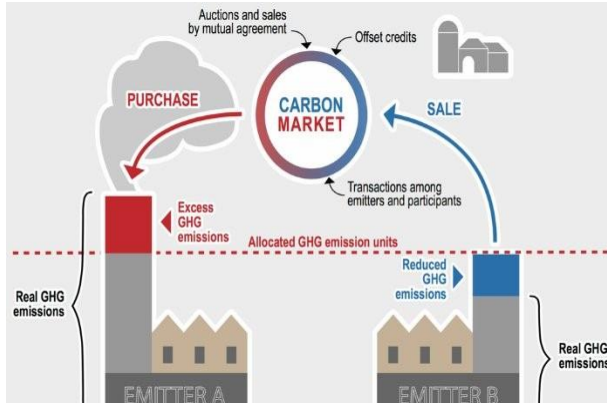


*Phá rừng gia tăng đồng nghĩa với việc gia tăng tương tác giữa các loài động vật hoang dã, vốn là ổ chứa các loại vi rút chưa được biết đến. Gần 50% trường hợp nhiễm bệnh từ động vật xuất hiện từ những năm 1940 trên toàn cầu có liên quan đến mở rộng diện tích nông nghiệp, nguyên nhân chính dẫn phá rừng và suy thoái rừng.*





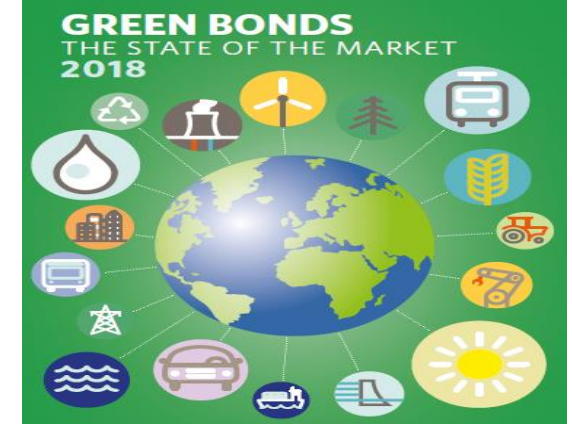
# Xu thế phát triển chính sách xây dựng cơ chế tài chính mới



## 1. THỊ TRƯỜNG MUA BÁN PHÁT THẢI



## 2. PHÂN BỐ TÀI CHÍNH DỰA VÀO HỆ SINH THÁI



## 3. CỔ PHIẾU, CHỨNG KHOÁN, TRÁI PHIẾU



## 4. SẢN XUẤT, KINH DOANH KHÔNG PHÁ RỪNG



## 5. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH XANH với CÁC TẬP ĐOÀN VÀ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH (Ngân hàng, Quỹ tín dụng, Quỹ Ủy Thác)



## 6. CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG (PES) VÀ REDD+



RESEARCH PROGRAM ON Forests, Trees and Agroforestry



Global Landscapes Forum



Resilient Landscapes

# Kinh nghiệm

## • Chính sách:

- Đa ngành (e.g. Buhatan + Châu Phi), giải quyết các nguyên nhân D&D
- Chuỗi giá trị thương mại toàn cầu -> tiếp cận cảnh quan và liên minh toàn cầu
- Xác định các nguyên nhân của địa phương, quốc gia và quốc tế dẫn đến việc buôn bán và khai thác ĐVHD thiếu bền vững và sự tương tác, cộng dồn của chúng -> *Xác định các biện pháp can thiệp phù hợp (ở đâu? Khi nào? Với đối tượng nào, bằng cách nào?)*
- Hoàn thiện cơ chế (e.g. Chính sách riêng bảo vệ hành lang đa dạng sinh học- EU và Châu Phi- CMLT, Biosecurity Law – TQ/Buhtan/Australia, Hiến Pháp- Buhtan, tiêu chí đánh giá thành công của Luật ĐDSH- Cambodia), nâng cao thực thi pháp luật, đặc biệt là để bảo vệ các loài có nguy cơ tuyệt chủng sắp xảy ra
- Đảm bảo thiết lập và hiệu quả Quản lý các khu bảo vệ, thay đổi về phương thức thực hiện các chương trình trồng rừng quy mô lớn
- Xem quản lý động vật hoang dã là một biện pháp giảm phát thải khí nhà kính từ việc chuyển đổi đất sang các loại hình sử dụng đất khác (e.g. Dầu cọ, thịt bò, đậu nành, giấy) (Sep. 2021- \$185k - \$3M tại 49 điểm tại Amazon)
- Nâng cao năng lực M&E buôn bán ĐVHD
- Tài chính bền vững: PES, REDD+, EFS + đa dạng sinh kế cho người dân

## • Nghiên cứu và đào tạo

- Dữ liệu sinh thái của các loài (phân bố, mật độ, tỷ lệ thay đổi) hiện tại và tương lai, sự phụ thuộc về dinh dưỡng, thu nhập của người dân và nền kinh tế vào ĐVHD -> Dự báo các điểm nóng cần can thiệp và ưu tiên và xây d
- Nâng cao nhận thức của các bên và cải thiện chương trình giảng dạy trong trường học
- Ưu tiên ngân sách nghiên cứu về các mô hình nuôi ĐVHD và chăn nuôi phù hợp
- Đánh giá hiệu quả chính sách (e.g. chính sách đóng cửa rừng, COVID, cấm BBĐVHD)





# THANK YOU

[cifor.org/gcs](http://cifor.org/gcs)



WAGENINGEN  
UNIVERSITY & RESEARCH



Norges miljø- og  
biovitenskapelige  
universitet



UNIVERSITY OF HELSINKI



Centro de Inteligência Territorial



PUCP



UNIVERSITE  
DE KINSHASA



RCC UI  
SUSTAINABLE SOLUTIONS

Stockholm Resilience Centre  
Sustainability Science for Biosphere Stewardship



Stockholm  
University

UNIVERSITY OF LEEDS



Federal Ministry  
for the Environment, Nature Conservation  
and Nuclear Safety



USAID  
FROM THE AMERICAN PEOPLE



European  
Commission

[cifor.org](http://cifor.org) | [worldagroforestry.org](http://worldagroforestry.org) | [globallandscapesforum.org](http://globallandscapesforum.org) | [resilientlandscapes.org](http://resilientlandscapes.org)

The Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry (ICRAF) envision a more equitable world where forestry and landscapes enhance the environment and well-being for all. CIFOR–ICRAF are CGIAR Research Centers.



RESEARCH  
PROGRAM ON  
Forests, Trees and  
Agroforestry



Global  
Landscapes  
Forum



Resilient  
Landscapes